

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thới.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.

2. Ông Vũ Hồng Điều.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2017/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2017; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Tháp

*Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn Chị A trình bày trong đơn khởi kiện cũng A tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết A sau:*

Chị A, Anh B xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp theo giấy đăng ký kết hôn số 66, ngày 25/9/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của anh B đến năm 2011 thuê nhà trọ sinh sống tại ấp 5 xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để làm công nhân và đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B nghị kỹ chị không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và nhiều lần anh B đã đánh chị A. Mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016. Nay chị A không thể tiếp tục chung sống với Anh B và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị A, anh B chung sống có 02 con chung tên C, sinh ngày 24/8/2008 và D, sinh ngày 23/02/2013. Hiện tại chị A đang trực tiếp tiếp nuôi B các cháu. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp B hàng tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị A cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh các con; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn Anh B trình bày trong bản tự khai ngày 07/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm thống nhất với chị A về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, cũng A nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh B xét mâu thuẫn giữa anh và chị A không có gì nghiêm trọng, anh vẫn còn thương vợ đã biết lỗi, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con Ang chị A kiên quyết ly hôn, thì anh thuận tình.

Về nuôi con chung: Anh và chị A chung sống sinh được 02 con chung A lời trình bày của chị A là đúng. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu C, anh không yêu cầu chị A cấp B nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung; Nợ chung: Anh B xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện A trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị A khởi kiện ly hôn với Anh B. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con chung*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị A, Anh B xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp theo giấy đăng ký kết hôn số 66, ngày 25/9/2009. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống, nhìn chung có đảm bảo hạnh phúc, sinh được 02 con chung. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và những mâu thuẫn nhỏ Ang hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết và vẫn sống ly thân. Chị A quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa, vẫn

kiên quyết ly hôn được anh B thuận tình. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị A với Anh B.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị A, anh B đều thống nhất chị A đang trực tiếp nuôi B 02 con chung C và D. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh B có nguyện vọng được nuôi cháu Kiệt. Chị A không đồng ý vì cho rằng cháu Kiệt có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với chị sau khi ly hôn với anh B. Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Tại bản tự khai ngày 07/6/2017 của cháu C, thì cháu Kiệt có nguyện vọng sống với chị A sau khi cha mẹ ly hôn. Chị A có nguyện vọng cho hai em ở cùng một nhà để thuận lợi cho việc chăm sóc và nuôi dạy các cháu, vì độ tuổi các cháu còn nhỏ, đang trong quá trình học hỏi và hình thành nhân cách. Đây là giai đoạn cực kỳ quan trọng nên cần vai trò của người mẹ. Mặt khác, hiện tại anh B chỉ đang tạm trú tại địa chỉ ấp 5, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, chưa có chỗ ở ổn định. Các cháu đều đang học tại trường tiểu học của xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung C của Anh B. Giao Chị A được tiếp tục nuôi B 02 con chung.

[6] Về cấp B: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị A không yêu cầu anh B cấp B nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị A. Do đó, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[7] Tài sản chung; Nợ chung: Anh B, chị A đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 55; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A với Anh B.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị A và Anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung C, sinh ngày 24/8/2008 và D, sinh ngày 23/02/2013 cho Chị A trực tiếp nuôi B. Anh B không phải cấp B nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi B con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05278 ngày 29/5/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**